|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NAM**  **TRƯỜNG THPT TRẦN HƯNG ĐẠO**  **\*\*\***   |  | | --- | | **ĐỀ CHÍNH THỨC** |   *(Đề có 01 trang)* | **KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**  **MÔN: NGỮ VĂN 11**  **Năm học 2023 – 2024**  **Thời gian làm bài: 90 phút**  *(không kể thời gian phát đề)* |

Họ và tên học sinh: …………………………… Lớp: ………. Số báo danh………………

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 ĐIỂM)**

**Đọc bài thơ sau:**

*Ngày còn bé ta mơ trăng tháng tám*

*Giữa đêm rằm bầy cỗ, vui chơi  
Cùng bạn nhỏ rước đèn múa hát  
Trống ếch lùng tùng náo nức trăng vui  
  
Khi lớn khôn ước mơ càng cháy bỏng  
Vai kề vai nghe rộn tiếng tim yêu  
Trải tâm tư dưới trời trăng sáng  
Cuộc đời ơi, đẹp biết bao nhiêu!  
  
Chỉ thế thôi ư? Ta còn mơ ước  
Thành nhà thơ ca ngợi cuộc đời  
Những vần thơ cùng du hành vũ trụ  
Sưởi ấm vừng trăng lạnh niềm vui  
  
Đâu chỉ lên trăng, thơ ta còn bay khắp  
Theo những con tàu cập bến các vì sao  
Như lòng ta chẳng bao giờ nguôi khát vọng  
Biết bay rồi, ta lại muốn bay cao.*

(***Khát vọng*** - Xuân Quỳnh,

trích từ tập thơ *Chồi biếc*, NXB Văn học, 1963)

**Thực hiện các yêu cầu:**

**Câu 1 *(0.5 điểm).*** Xác định nhân vật trữ tình trong bài thơ.

**Câu 2 *(0.5 điểm).*** Chỉ ra những từ ngữ góp phần thể hiện cấu tứ của bài thơ.

**Câu 3 *(0.5 điểm).*** Xác định những từ ngữ, hình ảnh thể hiện sự lãng mạn, bay bổng của khát vọng trong khổ thơ 3 và 4.

**Câu 4 *(1.0 điểm).*** Phân tích hiệu quả của từ *cháy bỏng* được dùng trong câu thơ *Khi lớn khôn ước mơ càng cháy bỏng.*

**Câu 5 *(1.0 điểm).*** Cấu tứ của bài thơ được thể hiện như thế nào?

**Câu 6 *(1.0 điểm).*** Nêu những lẽ sống được nhà thơ thể hiện trong hai khổ thơ 3 và 4.

**Câu 7 *(1.0 điểm).*** Nêu ý nghĩa của việccon người *chẳng bao giờ nguôi khát vọng.*

**Câu 8 *(0.5 điểm).***Khát vọng có thể thay đổi theo thời gian không? Vì sao?

**II. VIẾT (4.0 ĐIỂM)**

Anh/Chị hãy viết bài văn nghị luận về vấn đề “Sự mạnh dạn đối diện với thách thức của tuổi trẻ hiện nay”.

**---------- HẾT----------**

**ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ 1**

**NĂM HỌC 2023 -2024**

**Môn: Ngữ văn lớp 10**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6.0** |
|  | **1** | **Nhân vật trữ tình trong bài thơ: *ta***  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Học sinh trả lời chính xác như đáp án: 0.5 điểm*  *- Học sinh không trả lời được hoặc trả lời sai: không cho điểm* | 0.5 |
| **2** | **Những từ ngữ thể hiện cấu tứ của bài thơ:** *mơ, ước mơ, mơ ước, khát vọng.*  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Học sinh trả lời các từ ngữ như đáp án: 0.5 điểm*  *- Học sinh trả lời từ 1-2 từ ngữ trong đáp án: 0.25 điểm*  *- Học sinh không trả lời được hoặc trả lời sai: không cho điểm* | 0.5 |
| **3** | **Những từ ngữ, hình ảnh thể hiện sự lãng mạn, bay bổng của khát vọng trong khổ thơ 3 và 4:** *du hành vũ trụ, sưởi ấm vừng trăng lạnh, bay, bay khắp, bay cao, cập bến các vì sao.*  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Học sinh trả lời được 2-3 từ ngữ, hình ảnh trong đáp án: 0.5 điểm*  *- Học sinh trả lời 1 từ ngữ, hình ảnh trong đáp án: 0.25 điểm*  *- Học sinh không trả lời được hoặc trả lời sai: không cho điểm* | 0.5 |
| **4** | **Hiệu quả của từ *cháy bỏng* được dùng trong câu thơ *Khi lớn khôn ước mơ càng cháy bỏng:***  - Từ cháy bỏng mang nét nghĩa nóng rát.  - Từ cháy bỏng được sử dụng trong câu thơ thể hiện ước mơ mãnh liệt, cuồng nhiệt của chủ thể trữ tình. Đồng thời làm tăng tính gợi hình, gợi cảm cho câu thơ.  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Học sinh trả lời 2 ý như trong đáp án: 1.0 điểm*  *- Học sinh trả lời ý đầu trong đáp án: 0.25 điểm*  *- Học sinh trả lời ý sau trong đáp án: 0.75 điểm.*  *- Học sinh không trả lời được hoặc trả lời sai: không cho điểm*  ***\* Lưu ý:*** *Học sinh có thể diễn đạt khác nhưng đúng và hợp lý vẫn chấp nhận.* | 1.0 |
| **5** | **Cấu tứ của bài thơ được thể hiện qua các yếu tố sau:**  - Nhan đề*: Khát vọng*  - Từ ngữ, hình ảnh: *mơ, ước mơ, mơ ước, khát vọng*, *bầy cỗ, rước đèn múa hát, vai kề vai, trải tâm tư dưới trời trăng sáng, những vần thơ du hành vũ trụ, thơ ta bay khắp, cập bến các vì sao, chẳng bao giờ nguôi khát vọng*.  - Kết cấu các khổ thơ:  + Khổ 1: Bộc lộ những mơ ước ước hồn nhiên, vui tươi thời thơ bé của nhân vật trữ tình.  + Khổ 2,3: Bộc lộ những mơ ước mãnh liệt về tình yêu, sự nghiệp và lẽ sống tích cực của nhân vật trữ tình khi lớn khôn.  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Học sinh trả lời 3 ý như tinh thần đáp án: 1.0 điểm*  *- Học sinh trả lời 2 ý đầu như tinh thần đáp án: 0.5 điểm*  - Học sinh trả lời đầy đủ ý thứ 3 như tinh thần đáp án: 0.5 điểm  *- Học sinh không trả lời được hoặc trả lời sai: không cho điểm*  ***\* Lưu ý:*** *Học sinh có thể diễn đạt khác nhưng đúng và hợp lý vẫn chấp nhận.* | 1.0 |
| **6** | **Những lẽ sống được nhà thơ thể hiện trong hai khổ thơ 3 và 4:**  - Phải có lý tưởng khát vọng mãnh liệt trong công việc/sự nghiệp.  - Theo đuổi khát vọng là cách thể hiện lối sống tích cực.  - Sống mà không có khát vọng sống là lối sống tẻ nhạt, vô vị.  *Hướng dẫn chấm:*  *- Học sinh nêu được 2 ý trong đáp án hoặc có cách diễn đạt tương đương: 1.0 điểm*  *- Học sinh nêu 1 ý trong đáp án hoặc có cách diễn đạt tương đương: 0.5 điểm*  *\* Lưu ý: Học sinh có thể trả lời ý khác đáp án nhưng thuyết phục, hợp lý, đảm bảo chuẩn mực đạo đức là chấp nhận được.* | 1.0 |
| **7** | **Ý nghĩa của việccon người *chẳng bao giờ nguôi khát vọng:***   * Thể hiện lối sống tích cực: con người không ngừng nỗ lực, phấn đấu vươn tới những điều tốt đẹp. * Giúp cuộc sống luôn phát triển và tốt đẹp hơn.   ***Hướng dẫn chấm:***  *- Học sinh trả lời 2 ý có nội dung như đáp án: 1.0 điểm.*  *- Học sinh trả lời 1 ý có nội dung như đáp án: 0.5 điểm*  *- Học sinh trả lời không thuyết phục hoặc không trả lời: 0.0 điểm.*  ***\* Lưu ý:*** *Học sinh có thể trả lời ý khác đáp án nhưng hợp lý, đảm bảo chuẩn mực đạo đức pháp luật là chấp nhận được.* | 1.0 |
| **8** | **HS trả lời theo nhận thức của mình là Có hoặc Không. Trên cơ sở đó HS đưa ra những lí giải hợp lí, thuyết phục.**  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Học sinh trả lời Có/Không: 0.25 điểm*  *- Học sinh lí giải hợp lí, thuyết phục: 0.25 điểm.*  *- Học sinh không trả lời được hoặc trả lời sai: không cho điểm*  ***\* Lưu ý:*** *Học sinh có thể trả lời ý khác đáp án nhưng hợp lý, đảm bảo chuẩn mực đạo đức pháp luật là chấp nhận được.* | 0.5 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4.0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận*  Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề. | 0.25 |
|  | *b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:*  Sự mạnh dạn đối diện với thách thức của tuổi trẻ hiện nay.  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Học sinh xác định đúng vấn đề cần nghị luận: 0.25 điểm.*  *- Học sinh xác định chưa đúng vấn đề cần nghị luận: 0,0 điểm.* | 0.25 |
|  | *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*  Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Dưới đây là một vài gợi ý cần hướng tới:  *- Giới thiệu vấn đề nghị luận:* Sự mạnh dạn đối diện với thách thức của tuổi trẻ hiện nay.  - *Khái quát hoàn cảnh sống làm nảy sinh vấn đề*  + Cuộc sống luôn vận động và phát triển. Từ đó luôn nảy sinh nhiều vấn đề khiến con người phải đối mặt và vượt qua để khẳng định như vấn đề toàn cầu hóa, môi trường sống, chuyển đổi số, áp lực vật chất, tinh thần,…  + Tuổi trẻ có nhiều cơ hội đối mặt với thử thách để rèn luyện và phát triển bản thân.  + Sự mạnh dạn đối diện với thách thức của tuổi trẻ hiện nay là một lối sống phù hợp với xu thế của thời đại.  - *Phân tích các khía cạnh của vấn đề*  + Những biểu hiện của sự mạnh dạn đối mặt với thách thức của tuổi trẻ hiện nay. (Tuổi trẻ mạnh dạn đối diện với những thách thức trong quá trình Khởi nghiệp, trong sự thay đổi phát triển của thời đại, khoa học, công nghệ, trong xu thế toàn cầu hóa, trong tình trạng biến đổi khí hậu, trong những áp lực của bản thân, gia đình, ….)  + Nguyên nhân:   * Nhận thức rõ giá trị của bản thân và cuộc sống. * Sẵn sàng bước ra khỏi vùng an toàn để trải nghiệm, khám phá, theo đuổi đam mê, khẳng định mình.   + Vai trò của sự mạnh dạn đối mặt với thách thức   * Tạo cho bản thân lối sống mạnh mẽ, tích cực. * Là cách thức rèn luyện ý chí, bản lĩnh, trí tuệ, kỹ năng và khám phá giới hạn bản thân, trải nghiệm sự mới mẻ của cuộc sống. * Thúc đẩy sự phát triển của xã hội.   - *Làm rõ sự cần thiết của việc mạnh dạn đối mặt với thách thức của tuổi trẻ hiện nay.*  + Nếu không mạnh dạn đối mặt với thách thức, người trẻ sẽ sống một cuộc đời tẻ nhạt, không mở rộng tầm nhìn, không khám phá được tiềm năng, giới hạn của bản thân.  + Nếu không mạnh dạn đối mặt với thách thức, người trẻ sẽ khó trưởng thành, khó thành công và đánh mất nhiều cơ hội, giá trị quý báu của cuộc sống.  + Sự mạnh dạn đối mặt với thách thức của tuổi trẻ sẽ tạo ra những thay đổi tích cực cho xã hội đồng thời truyền cảm hứng sống và năng lượng tích cực cho cộng đồng.  *- Nêu trải nghiệm của bản thân với vấn đề nghị luận*  *- Bàn luận vấn đề từ góc nhìn trái chiều*  + Sự mạnh dạn đối diện với thách thức của tuổi trẻ không tránh khỏi những sai lầm đáng tiếc, gây hậu quả nghiêm trọng.  + Sự mạnh dạn đối diện với thử thách của tuổi trẻ hiện nay không phải là là điều cần thiết để thành công.  +…  - *Khẳng định ý nghĩa của vấn đề*  + Sự mạnh dạn đối diện với thử thách của tuổi trẻ hiện nay là hành động sống tích cực.  + Sự mạnh dạn đối diện với thử thách của tuổi trẻ hiện nay đem lại cho lợi ích thiết thực cho bản thân và xã hội. | 3.0 |
|  | ***Hướng dẫn chấm:***  - *Trình bày đầy đủ, sâu sắc kết hợp giữa lí lẽ và dẫn chứng: 3.0 điểm.*  *- Trình bày chưa đầy đủ hoặc chưa sâu sắc: 1.0 điểm – 2.0 điểm.*  *- Trình bày sơ sài: 0.25 điểm – 0.75 điểm.*  **.** |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.  ***Hướng dẫn chấm:*** *Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.* | 0.25 |
|  | *e. Sáng* tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. | 0.25 |
| I + II |  |  | **10** |

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I NĂM HỌC 2023-2024**

**MÔN: NGỮ VĂN 11- THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 phút**

**MA TRẬN ĐỀ TỰ LUÂN 100/%**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung kiến thức / Đơn vị kĩ năng** | **Mức độ nhận thức** | | | |  |
| Nhận biết | Thông hiểu | Vận dụng | Vận dụng cao | **Tổng**  **% điểm** |
| **1** | **Đọc** | Thơ | **3** | **3** | **1** | **1** | **60** |
| Văn nghị luận |
| **2** | **Viết** | Viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội | **1\*** | **1\*** | **1\*** | **1\*** | **40** |
| **Tổng** | | | ***25%*** | ***45%*** | ***20%*** | ***10%*** | **100** |
| **Tỉ lệ chung** | | | **70%** |  | **30%** |  |  |

**BẢNG ĐẶC TẢ KĨ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I NĂM HỌC 2023-2024**

**MÔN: NGỮ VĂN 11; THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 phút**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức / Kĩ năng** | **Mức độ đánh giá** | **Số lượng câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | | Tổng % |
| Nhận biết | Thông hiểu | Vận dụng | Vận dụng cao |
| **1.** | **Đọc hiểu** | Thơ | **Nhận biết:**  - Nhận biết được chi tiết tiêu biểu, đề tài, nhân vật trữ tình trong bài thơ.  - Nhận biết được cấu tứ, vần, nhịp, những dấu hiệu thể loại của bài thơ.  - Nhận biết được yếu tố tượng trưng (nếu có) trong bài thơ.  - Nhận biết được những biểu hiện của tình cảm, cảm xúc trong bài thơ.  - Nhận biết đặc điểm của ngôn từ nghệ thuật trong thơ.  **Thông hiểu:**  - Hiểu và lí giải được ý nghĩa giá trị thẩm mĩ của ngôn từ, cấu tứ, hình thức bài thơ.  - Phân tích, lí giải được vai trò của yếu tố tượng trưng trong bài thơ (nếu có).  - Xác định được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của bài thơ.  - Lí giải được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua bài thơ.  - Phát hiện và lí giải được các giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh của bài thơ.  - Phân tích được tính đa nghĩa của ngôn từ trong bài thơ.  **Vận dụng:**  - Nêu được ý nghĩa hay tác động của bài thơ đối với quan niệm, cách nhìn của cá nhân về những vấn đề văn học hoặc cuộc sống.  - Thể hiện thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với các vấn đề đặt ra từ bài thơ.  **Vận dụng cao**:  - Đánh giá được giá trị thẩm mĩ của một số yếu tố trong thơ như ngôn từ, cấu tứ, hình thức bài thơ.  - Đánh giá được ý nghĩa, tác dụng của yếu tố tương trưng (nếu có) trong bài thơ.  - So sánh được hai văn bản thơ cùng đề tài ở các giai đoạn khác nhau.  - Mở rộng liên tưởng về vấn đề đặt ra trong bài thơ để hiểu sâu hơn bài thơ. | 3 câu | 3 câu | 1 câu | 1 câu | 50 |
| **3** | **Viết** | 1. Viết văn bản ghị luận về một vấn đề xã hội  ( Con người với cuộc sống xung quanh /Hình thành lối sống tích cực trong xã hội) | **Nhận biết:**  **-** Xác định được yêu cầu về nội dung và hình thức của bài văn nghị luận.  - Mô tả được vấn đề xã hội và những dấu hiệu, biểu hiện của vấn đề xã hội trong bài viết.  - Xác định rõ được mục đích, đối tượng nghị luận.  - Đảm bảo cấu trúc, bố cục của một văn bản nghị luận.  **Thông hiểu:**  - Giải thích được những khái niệm liên quan đến vấn đề nghị luận.  - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các luận điểm.  - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm.  - Cấu trúc chặt chẽ, có mở đầu và kết thúc gây ấn tượng; sử dụng các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục, chính xác, tin cậy, thích hợp, đầy đủ; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.  **Vận dụng:**  - Đánh giá được ý nghĩa, ảnh hưởng của vấn đề đối với con người, xã hội.  - Nêu được những bài học, những đề nghị, khuyến nghị rút ra từ vấn đề bàn luận.  **Vận dụng cao:**  - Sử dụng kết hợp các phương thức miêu tả, biểu cảm, tự sự,… để tăng sức thuyết phục cho bài viết.  - Vận dụng hiệu quả những kiến thức Tiếng Việt lớp 11 để tăng tính thuyết phục, sức hấp dẫn cho bài viết. | 1\* | 1\* | 1\* | 1 câu TL | 50 |
| ***Tỉ lệ %*** | | | | ***30%*** | ***40%*** | ***20%*** | ***10%*** | ***100%*** |
| **Tỉ lệ chung** | | | | **70%** | | **30%** | |  |



|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THPT TRẦN HƯNG ĐẠO**  TỔ NGỮ VĂN- TIẾNG ANH | **ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**  NĂM HỌC 2023-2024  MÔN: NGỮ VĂN 11 |

**1. Hình thức: tự luận. Thời gian: 90 phút.**

**2. Cấu trúc đề và ma trận đề kiểm tra:**

**2.1. Cấu trúc đề gồm 2 phần: Đọc hiểu và Viết**

- **Đọc hiểu (6,0 điểm):**

+ Kiểm tra theo hình thức **tự luận** gồm 8 câu hỏi/yêu cầu: Nhận biết (3 câu: 1,5 điểm), thông hiểu (3 câu: 3,0 điểm), vận dụng (1 câu: 1,0 điểm), vận dụng cao (1 câu: 0,5 điểm).

+ Ngữ liệu: Các văn bản/đoạn trích Thơ trữ tình hoặc Văn bản nghị luận (ngữ liệu ngoài sách giáo khoa).

- **Làm văn (4,0 điểm):**

+ Kiểm tra theo hình thức tự luận gồm 1 câu hỏi/yêu cầu, phân chia theo các mức độ nhận thức: nhận biết (1,0 điểm), thông hiểu (1,5 điểm), vận dụng (1,0 điểm), vận dụng cao (0,5 điểm).

+ **Viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội** (Con người với cuộc sống xung quanh /Hình thành lối sống tích cực trong xã hội)

**2.2 Ma trận đề tự luân 100/%**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung kiến thức / Đơn vị kĩ năng** | **Mức độ nhận thức** | | | |  |
| Nhận biết | Thông hiểu | Vận dụng | Vận dụng cao | **Tổng**  **% điểm** |
| **1** | **Đọc** | Thơ | **3** | **3** | **1** | **1** | **60** |
| Văn nghị luận |
| **2** | **Viết** | Viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội | **1\*** | **1\*** | **1\*** | **1\*** | **40** |
| **Tổng** | | | ***25%*** | ***45%*** | ***20%*** | ***10%*** | **100** |
| **Tỉ lệ chung** | | | **70%** |  | **30%** |  |  |

**MỨC ĐỘ KIỂM TRA KIẾN THỨC, KỸ NĂNG**

* 1. **Phần Đọc - hiểu**
     1. **Thơ (**Kiến thức chủ yếu ở bài 2**: Cấu tứ và hình ảnh trong thơ Trữ tình** của chương trình Ngữ Văn lớp 11**)**

|  |
| --- |
| **Nhận biết:**  - Nhận biết được chi tiết tiêu biểu, đề tài, nhân vật trữ tình trong bài thơ.  - Nhận biết được cấu tứ, vần, nhịp, những dấu hiệu thể loại của bài thơ.  - Nhận biết được yếu tố tượng trưng (nếu có) trong bài thơ.  - Nhận biết được những biểu hiện của tình cảm, cảm xúc trong bài thơ.  - Nhận biết đặc điểm của ngôn từ nghệ thuật trong thơ.  **Thông hiểu:**  - Hiểu và lí giải được ý nghĩa giá trị thẩm mĩ của ngôn từ, cấu tứ, hình thức bài thơ.  - Phân tích, lí giải được vai trò của yếu tố tượng trưng trong bài thơ (nếu có).  - Xác định được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của bài thơ.  - Lí giải được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua bài thơ.  - Phát hiện và lí giải được các giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh của bài thơ.  - Phân tích được tính đa nghĩa của ngôn từ trong bài thơ.  **Vận dụng:**  - Nêu được ý nghĩa hay tác động của bài thơ đối với quan niệm, cách nhìn của cá nhân về những vấn đề văn học hoặc cuộc sống.  - Thể hiện thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với các vấn đề đặt ra từ bài thơ.  **Vận dụng cao**:  - Đánh giá được giá trị thẩm mĩ của một số yếu tố trong thơ như ngôn từ, cấu tứ, hình thức bài thơ.  - Đánh giá được ý nghĩa, tác dụng của yếu tố tương trưng (nếu có) trong bài thơ.  - So sánh được hai văn bản thơ cùng đề tài ở các giai đoạn khác nhau.  - Mở rộng liên tưởng về vấn đề đặt ra trong bài thơ để hiểu sâu hơn bài thơ. |

1. **Văn bản nghị luận (** Kiến thức chủ yếu ở bài 3**: Cấu trúc của văn bản nghị luận** của chương trình Ngữ Văn lớp 11**)**

|  |
| --- |
| **Nhận biết:**  - Xác định được vấn đề nghị luận của văn bản.  - Xác định được các luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng tiêu biểu, độc đáo được trình bày trong văn bản.  - Nhận biết các yếu tố thuyết minh, miêu tả, tự sự trong văn bản.  **Thông hiểu:**  - Xác định được mục đích, thái độ và tình cảm của người viết; thông điệp, tư tưởng của văn bản.  - Phân tích được mối quan hệ giữa các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng và mối quan hệ giữa chúng với luận đề của văn bản.  - Lý giải được cách đặt nhan đề; sự phù hợp giữa nội dung nghị luận với nhan đề văn bản.  - Phân tích được vai trò của các yếu tố thuyết minh hoặc miêu tả, tự sự trong văn bản nghị luận.  **Vận dụng:**  - Nêu được ý nghĩa hay tác động của văn bản đối với quan niệm, cách nhìn cá nhân về vấn đề nghị luận.  - Trình bày được quan điểm đồng tình hay không đồng tình với quan niệm của tác giả, nội dung chính của văn bản.  **Vận dụng cao:**  Liên hệ được nội dung văn bản với một tư tưởng, quan niệm, xu thế (kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, khoa học) của giai đoạn mà văn bản ra đời để đánh giá ý nghĩa, giá trị của văn bản. |

1. **Phần Viết**

Viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội ( Con người với cuộc sống xung quanh /Hình thành lối sống tích cực trong xã hội)

|  |
| --- |
| **Nhận biết:**  **-** Xác định được yêu cầu về nội dung và hình thức của bài văn nghị luận.  - Mô tả được vấn đề xã hội và những dấu hiệu, biểu hiện của vấn đề xã hội trong bài viết.  - Xác định rõ được mục đích, đối tượng nghị luận.  - Đảm bảo cấu trúc, bố cục của một văn bản nghị luận.  **Thông hiểu:**  - Giải thích được những khái niệm liên quan đến vấn đề nghị luận.  - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các luận điểm.  - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm.  - Cấu trúc chặt chẽ, có mở đầu và kết thúc gây ấn tượng; sử dụng các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục, chính xác, tin cậy, thích hợp, đầy đủ; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.  **Vận dụng:**  - Đánh giá được ý nghĩa, ảnh hưởng của vấn đề đối với con người, xã hội.  - Nêu được những bài học, những đề nghị, khuyến nghị rút ra từ vấn đề bàn luận.  **Vận dụng cao:**  - Sử dụng kết hợp các phương thức miêu tả, biểu cảm, tự sự,… để tăng sức thuyết phục cho bài viết.  - Vận dụng hiệu quả những kiến thức Tiếng Việt lớp 11 để tăng tính thuyết phục, sức hấp dẫn cho bài viết. |